

Số: /KH-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH

Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) và Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Kon Tum năm 2019

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; số 19/2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; số 17/NQ-CP ngày 7 tháng 3 năm 2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-BCĐCCHC ngày 14 tháng 4 năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2019.

Căn cứ Thông báo số 202/TB-VPCP ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Hội nghị công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2018;

Căn cứ Kết quả Chỉ số PAPI, Chỉ số PAR INDEX tỉnh Kon Tum năm 2018;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm cải thiện, nâng cao các Chỉ số PAPI, PAR INDEX tỉnh Kon Tum năm 2019 và các năm tiếp theo, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải thiện

môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục giữ vững, phát huy kết quả đạt được và khắc phục các hạn chế, khuyết điểm tại các lĩnh vực, nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần của các Chỉ số PAPI, PAR INDEX năm 2018; mục tiêu chung năm 2019 đưa tỉnh Kon Tum tăng tối thiểu 02 bậc trên Bảng xếp hạng Chỉ số PAPI và 05 bậc trên Bảng xếp hạng Chỉ số PAR INDEX.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm cải thiện, nâng cao các Chỉ số PAPI, PAR INDEX của Kế hoạch này phải được kết hợp thực hiện một cách đồng bộ, chặt chẽ với các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Kế hoạch số 995/KH-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 3 tháng 8 năm 2011 về phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả quản lý hành chính công tỉnh Kon Tum.

- Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này.

- Lồng ghép triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm cải thiện, nâng cao các Chỉ số PAPI, PAR INDEX với các dự án, đề án, nguồn kinh phí tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đối với các nội dung, lĩnh vực có liên quan trên địa bàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về cải thiện Chỉ số PAPI

1.1. Nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”

Mục tiêu cụ thể: Tiếp tục nâng cao kết quả nội dung này so với năm 2018 (năm 2018 đạt 5,94 điểm, xếp hạng 05/63 tỉnh/thành) và phấn đấu tối thiểu phải giữ nguyên vị trí xếp hạng 05/63 tỉnh, thành đến năm 2019.

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến với hình thức đa dạng, phong phú các quy định của pháp luật về tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Quốc hội, bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; thực hiện pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Luật Phòng chống tham nhũng; các hình thức giám sát cộng đồng của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng ở cấp xã; đưa khẩu hiệu "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đi vào thực tiễn; các quy định về sự đóng góp tự nguyện của người dân đối với các vấn đề dân sinh ở nơi sinh sống.

- Kiểm tra, rà soát và kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ một số loại phí, lệ phí, quỹ và các quy định về huy động đóng góp của Nhân dân không phù hợp (nếu có).

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền sâu rộng để Nhân dân hiểu về quyền và nghĩa vụ khi tham gia bầu Thôn trưởng, Tổ trưởng Tổ dân phố cũng như thể lệ, phương thức bầu cử.

b) Sở Nội vụ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cấp xã; kiến nghị xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm (nếu có).

1.2. Nội dung "Công khai, minh bạch"

Mục tiêu cụ thể: Tiếp tục nâng cao kết quả nội dung này so với năm 2018 (năm 2018 đạt 5,26 điểm, xếp hạng 31/63 tỉnh/thành) và phấn đấu xếp hạng 30/63 tỉnh/thành năm 2019.

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Thường xuyên kiểm tra việc công khai thu, chi, quyết toán ngân sách cấp xã theo đúng quy định; xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm (nếu có)

- Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quy trình điều tra, rà soát, bình xét và công nhận đối tượng hộ nghèo hằng năm, đảm bảo lựa chọn đúng đối tượng thuộc diện hộ nghèo; thực hiện công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo tại Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố; xử lý nghiêm những trường hợp thực hiện không đúng quy định về chính sách hộ nghèo.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn, giám sát các huyện, thành phố thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa bàn; thực hiện công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và khung giá đất hiện thời trên Trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; kịp thời cập nhật, công khai khi có sự điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc khung giá đất; phải công khai và thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất, mức giá đền bù khi thu hồi đất; công bố kế hoạch đầu tư của các dự án trên địa bàn và kết quả xử lý các vụ việc qua giám sát ở khu dân cư.

1.3. Nội dung "Trách nhiệm giải trình của người dân":

Mục tiêu cụ thể: Tiếp tục nâng cao kết quả nội dung này so với năm 2018 (năm 2018 đạt 4,95 điểm, xếp hạng 30/63 tỉnh/thành) và phấn đấu xếp hạng 25/63 tỉnh/thành năm 2019.

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Tiếp tục nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, chủ động và tích cực trong việc gặp gỡ, tiếp

xúc, đối thoại với người dân thông qua các cuộc họp dân định kỳ; tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả giải quyết, trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã; tập trung giải quyết có hiệu quả những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân.

b) Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thường xuyên tổ chức các Hội nghị tập huấn về nghiệp vụ cho các Ban giám sát đầu tư cộng đồng, Ban Thanh tra nhân dân cấp xã và cán bộ, công chức có liên quan;

b) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hành chính các cấp rà soát, tìm biện pháp nâng cao chất lượng giải trình với Nhân dân.

1.4. Nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”

Mục tiêu cụ thể: Tiếp tục nâng cao kết quả nội dung này so với năm 2018 (năm 2018 đạt 6,03 điểm, xếp hạng 57/63 tỉnh/thành) và phấn đấu xếp hạng 51/63 tỉnh/thành năm 2019.

a) Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hình thức để cán bộ, công chức, viên chức biết, thực hiện và người dân giám sát, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng tại đơn vị, địa bàn. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp và Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; có chính sách và cơ chế bảo vệ người dân khi thực hiện việc tố cáo hành vi tham nhũng. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình. Công khai báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng hằng năm của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý, nhất là cán bộ, công chức giải quyết công việc liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích chính đáng, thiết thực của tổ chức, công dân, doanh nghiệp. Ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời những cán bộ, công chức có hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với tổ chức, công dân và doanh nghiệp.

b) Thanh tra tỉnh: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp phòng chống tham nhũng; công khai các kết luận thanh tra, kiểm tra cũng như việc chấp hành kết luận thanh tra, kiểm tra những vụ việc tham nhũng theo quy định.

c) Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh để áp dụng thực hiện từ năm 2019 và các năm tiếp theo (*hoàn thành chậm nhất trong Quý III năm 2019*).

1.5. Nội dung "Thủ tục hành chính công"

Mục tiêu cụ thể: Tiếp tục nâng cao kết quả nội dung này so với năm 2018 (*năm 2018 đạt 7,25 điểm, xếp hạng 51/63 tỉnh/thành*) và phấn đấu xếp hạng 50/63 tỉnh, thành năm 2019.

a) Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Kịp thời cập nhật, công khai đầy đủ các thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Một cửa và trên Trang Thông tin, điện tử của các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền trong việc xử lý các phản ánh, kiến nghị thuộc phạm vi quản lý; kịp thời kiến nghị xử lý những trường hợp người đứng đầu cơ quan chậm trễ, thiếu kiên quyết, thực hiện không đúng quy định trong giải quyết kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức về TTHC.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác rà soát các quy định, TTHC; trên cơ sở đó, kiến nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cắt giảm tối đa các TTHC rườm rà, không cần thiết để giảm thời gian và chi phí tuân thủ TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp; trong đó, chú trọng các TTHC liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, đầu tư, đất đai, xây dựng, sở hữu nhà ở, đăng ký kinh doanh, thuế, hải quan, xuất nhập khẩu, y tế, tiếp cận điện năng, quản lý thị trường...

c) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng các dịch vụ hành chính công, ưu tiên các TTHC thuộc các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân như tư pháp – hộ tịch, kinh doanh, đất đai, xây dựng...

1.6. Nội dung "Cung ứng dịch vụ công"

Mục tiêu cụ thể: Tiếp tục nâng cao kết quả nội dung này so với năm 2018 (*năm 2018 đạt 6,74 điểm, xếp hạng 57/63 tỉnh/thành*) và phấn đấu xếp hạng 46/63 tỉnh/thành năm 2019.

a) Sở Y tế:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công; ban hành tiêu chí, quy trình và thực hiện việc lấy ý kiến về mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với dịch vụ y tế công trên địa bàn tỉnh; thu hút đội ngũ bác sĩ, dược sĩ đại học về công tác tại tỉnh.

- Phát triển các dịch vụ khám, chữa bệnh kỹ thuật cao tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và bệnh viện tuyến huyện.

- Nâng cao chất lượng, thái độ phục vụ của nhân viên các Trạm y tế cấp xã trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí, quy trình và thực hiện việc lấy ý kiến về mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trên địa bàn tỉnh; chấn chỉnh tình trạng dạy thêm, học thêm sai quy định.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố từng bước thực hiện bê tông hóa các tuyến đường nông thôn; cung cấp nước sạch cho người dân; thực hiện tốt dịch vụ thu gom, xử lý rác thải, nước thải.

d) Đề nghị Công an tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy; thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

1.7. Nội dung "Quản trị môi trường"

Mục tiêu cụ thể: Tiếp tục nâng cao kết quả nội dung này so với năm 2018 (năm 2018 đạt 3,98 điểm, xếp hạng 55/63 tỉnh/thành) và phấn đấu xếp hạng 50/63 tỉnh, thành năm 2019.

a) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, hình thành ý thức tự giác bảo vệ môi trường trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói riêng và trong Nhân dân nói chung, nhất là ý thức sử dụng xăng sinh học E5, hạn chế sử dụng rác thải nhựa, tăng cường trồng cây xanh khu vực sinh sống, phủ xanh đất trống, đồi trọc...

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc địa bàn quản lý.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về môi trường; chủ động tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp, giải pháp cải thiện chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh (môi trường nước, không khí).

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nhất là các hoạt động xả khí thải vượt mức cho phép; xả chất thải chưa qua xử lý ra sông, suối, kênh, rạch

làm ô nhiễm nguồn nước; quản lý và sử dụng hiệu quả đường dây nóng tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường; công khai đầy đủ, kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Tập trung tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường cấp tỉnh đồng bộ với chương trình quan trắc môi trường quốc gia.

- Thực hiện việc đánh giá thực trạng và các giải pháp xử lý chất thải đô thị; việc thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế chất thải; kiểm soát, bảo vệ môi trường tại các dự án, cơ sở, các khu vực có nguy cơ gây sự cố môi trường.

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; tăng cường thực hiện chức năng giám sát, phản biện và tham vấn cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường.

c) Sở Xây dựng: Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm hành vi thi công xây dựng công trình không che chắn hoặc có che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh ảnh hưởng tới môi trường thuộc phạm vi quản lý.

1.8. Nội dung "Quản trị điện tử"

Mục tiêu cụ thể: Tiếp tục nâng cao kết quả nội dung này so với năm 2018 (năm 2018 đạt 3,06 điểm, xếp hạng 33/63 tỉnh/thành) và phấn đấu xếp hạng 28/63 tỉnh, thành năm 2019.

a) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cung cấp đầy đủ thông tin hướng dẫn, các biểu mẫu thực hiện các TTHC thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị để người dân thuận tiện tìm hiểu, tra cứu và thực hiện TTHC.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp đầy đủ thông tin hướng dẫn, các biểu mẫu thực hiện các TTHC chứng thực, xác nhận, cấp phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các TTHC khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để người dân thuận tiện tìm hiểu, tra cứu và thực hiện TTHC.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tạo điều kiện để các đơn vị cung cấp dịch vụ mạng internet trên địa bàn hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới, từ đó góp phần gia tăng số hộ gia đình sử dụng mạng internet, tăng số lượng người dân tiếp cận thông tin qua mạng internet.

- Tiến hành rà soát, lựa chọn, triển khai cung cấp mạng wifi miễn phí tại một số địa điểm công cộng (*quảng trường, công viên*) hoặc nơi tập trung đông dân cư nhưng chưa có điều kiện tiếp cận internet thuộc địa bàn quản lý.

2. Về cải thiện Chỉ số PAR INDEX

2.1. Nội dung "Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính"

a) Mục tiêu cụ thể: Đạt tối thiểu từ 8,5/9 điểm tối đa trở lên của nội dung này năm 2019 (*năm 2018 chỉ đạt 7,97/9 điểm*). Trong đó, các tiêu chí thành phần phải cải thiện để tăng tổng điểm gồm:

- Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC: 01 điểm (*năm 2018 đạt 0,97/01 điểm*).

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ: 1,75 điểm (*năm 2018 chỉ đạt 0,5/1,75 điểm*).

- Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra CCHC: 01 điểm (*năm 2018 chỉ đạt 0/01 điểm*).

- Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: 0,5 điểm (*năm 2018 chỉ đạt 0/01 điểm*)

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính nhà nước hằng năm. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về cách hành chính đảm bảo chất lượng, đúng thời gian theo quy định; tích cực nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến, cách làm hay trong cải cách hành chính.

- Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cách hành chính của tỉnh (*có lồng ghép nội dung tuyên truyền cải cách hành chính*) trong tháng 11 hằng năm bảo đảm chất lượng và thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị; tham mưu kịp thời, bảo đảm chất lượng các báo cáo cải cách hành chính (*hằng quý, 6 tháng, hằng năm*), Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng (*định kỳ tháng 01 hằng năm*) gửi Bộ Nội vụ.

- Sở Tư pháp tham mưu kịp thời Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật gửi Bộ Tư pháp trước ngày 20/02/2020; Báo cáo năm về tình hình theo dõi thi hành pháp luật gửi Bộ Tư pháp trước ngày 15/10/2019.

- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo định kỳ về kết quả ứng dụng CNTT gửi Bộ Thông tin và Truyền thông bảo đảm kịp thời, chất lượng theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tổ kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Tăng cường theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương đảm bảo theo tiến độ, thời gian yêu cầu.

2.2. Nội dung "Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật"

a) Mục tiêu cụ thể: Tiếp tục phấn đấu đạt tối thiểu từ 8,4/10 điểm tối đa trở lên của nội dung này năm 2019 (năm 2018 đạt 8,4/10 điểm).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Tư pháp:

+ Tiếp tục thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật, bảo đảm thực hiện đầy đủ các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo quy định (*thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật*); tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

+ Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm 100% văn bản/vấn đề phát hiện qua kiểm tra, rà soát đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định.

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Tăng cường phối hợp với Sở Tư pháp trong công tác theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

2.3. Nội dung "Cải cách thủ tục hành chính"

a) Mục tiêu cụ thể: Đạt tối thiểu từ 11/13 điểm tối đa trở lên của tiêu chí này năm 2019 (năm 2018 chỉ đạt 9,4/13 điểm tối đa). Trong đó, các tiêu chí thành phần phải cải thiện để tăng tổng điểm gồm:

- Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố: 0,25 điểm (năm 2018 chỉ đạt 0/0,25 điểm).

- Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị: 0,75 điểm (năm 2018 chỉ đạt 0,25/0,75 điểm).

- Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh: 0,75 điểm (năm 2018 chỉ đạt 0/0,75 điểm).

- Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp: 01 điểm (năm 2018 chỉ đạt 0/1 điểm).

- Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền: 01 điểm (*năm 2018 chỉ đạt 0/1 điểm*).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Kịp thời nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

+ Thường xuyên chỉ đạo bộ phận phụ trách Cổng thông tin điện tử tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh (*bao gồm 3 cấp tỉnh, huyện, xã*).

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, bảo đảm 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 100% Ủy ban nhân dân cấp huyện, 100% Ủy ban nhân dân cấp xã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC.

+ Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, cập nhật danh mục TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp (*có đầy đủ thông tin về cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC*), danh mục TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền (*có đầy đủ thông tin về cơ quan chủ trì, đầu mối tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC*) để làm tài liệu kiểm chứng gửi Bộ Nội vụ khi triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm.

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

+ Kịp thời cập nhật, công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

+ Thực hiện nghiêm túc việc công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh theo hướng dẫn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (*Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ này tại các đơn vị cấp xã thuộc phạm vi quản lý*).

+ Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, cập nhật danh mục TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, danh mục

TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

2.4. Nội dung "Cải cách tổ chức bộ máy hành chính"

a) Mục tiêu cụ thể: Đạt tối thiểu từ 09/12 điểm tối đa trở lên của tiêu chí này năm 2019 (năm 2018 đạt 8,2/12 điểm tối đa). Trong đó, các tiêu chí thành phần phải cải thiện để tăng tổng điểm gồm:

- Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính: 01 điểm (năm 2018 đạt 0,5/1,5 điểm).

- Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015: 0,2 điểm (năm 2018 đạt 0,17/01 điểm).

- Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015 (giảm 7% so với năm 2015): 01 điểm (năm 2018 đạt 0,97/1,5 điểm).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

+ Thực hiện nghiêm túc quy định về số lượng lãnh đạo, quản lý của các phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đối với các phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: Trường hợp chưa có quy định về số lượng lãnh đạo, quản lý của các tổ chức này, các cơ quan, đơn vị bố trí số lượng lãnh đạo, quản lý của các tổ chức nêu trên phải ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Trường hợp đã có quy định về số lượng lãnh đạo, quản lý của các tổ chức này, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định nhưng vẫn phải ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Đối với các phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Số lượng cấp phó của người đứng đầu các tổ chức này không quá 03 người.

+ Tiếp tục thực hiện nghiêm các nhiệm vụ tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy theo tinh thần các nghị quyết của Ban Chấp Trung ương 6 khóa XII, các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ.

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hoặc thực hiện theo thẩm quyền công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân cấp, ủy quyền cho cấp huyện, cấp xã; bảo đảm 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Sở Nội vụ:

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính, đơn

vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh để tham mưu kiến toàn lại tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị theo quy định của bộ, ngành Trung ương, phù hợp với địa phương nhằm khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

+ Tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền tiếp tục thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp Trung ương 6 khóa XII (*Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*). Trong đó, tập trung thực hiện các mục tiêu đến năm 2021: Giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập; giảm tối thiểu 10% biên chế công chức, 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015; bảo đảm tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao.

+ Tăng cường công tác kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định (*gắn với công tác thanh tra, kiểm tra ngành nội vụ*); bảo đảm 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

+ Thường xuyên theo dõi, rà soát, thống kê việc bố trí số lượng lãnh đạo, quản lý của các phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những cơ quan, đơn vị thực hiện không nghiêm cơ cấu số lượng lãnh đạo, quản lý để xem xét xử lý. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị trước 31/12 hằng năm để theo dõi, có ý kiến chỉ đạo.

2.5. Nội dung "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức"

a) Mục tiêu cụ thể: Đạt tối thiểu từ 10,5/13,5 điểm tối đa trở lên của tiêu chí này năm 2019 (*năm 2018 chỉ đạt 9,8/13,5 điểm tối đa*). Trong đó, các tiêu chí thành phần phải cải thiện để tăng tổng điểm gồm:

- Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh: 0,5 điểm (*năm 2018 đạt 0/0,5 điểm*).

- Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính: 0,75 điểm (*năm 2018 đạt 0,5/0,75 điểm*).

- Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (*đạt 90%*): 0,9 điểm (*năm 2018 đạt 0,83/01 điểm*).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

+ Thực hiện đúng các quy định về bổ nhiệm công chức, thi tuyển viên chức theo thẩm quyền.

+ Trên cơ sở các văn bản quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, xây dựng, ban hành bộ tiêu chí, quy trình đánh giá cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trên cơ sở lượng hóa cụ thể kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, kết quả rèn luyện phẩm chất đạo đức hàng năm, lấy chất lượng, hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu để đánh giá.

+ Tiếp tục rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét bổ sung đối tượng tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị hàng năm theo quy định.

- Sở Nội vụ:

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và triển khai kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức hàng năm - trong đó, chú trọng đào tạo cán bộ, công chức cấp xã để bảo đảm đạt chuẩn theo quy định; bảo đảm hoàn thành tối thiểu 90% nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

+ Tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai thí điểm Đề án đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp phòng đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định của Trung ương.

+ Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy chế văn hóa công sở trên địa bàn tỉnh; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những trường hợp vi phạm theo quy định.

2.6. Nội dung "Cải cách tài chính công"

a) Mục tiêu cụ thể: Đạt tối thiểu từ 10/12,5 điểm tối đa trở lên của tiêu chí này năm 2019 (*năm 2018 đạt 9,2/12,5 điểm*). Trong đó, các tiêu chí thành phần phải cải thiện để tăng tổng điểm gồm:

- Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm (*đạt 90%*): 01 điểm (*năm 2018 đạt 0,83/01 điểm*).

- Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (*đạt 100%*): 01 điểm (*năm 2018 đạt 0,5/01 điểm*).

- Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP: 0,5 điểm (*năm 2018 đạt 0/0,5 điểm*).

- Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015 (*đạt 5%*): 0,5 điểm (*năm 2018 đạt 0/01 điểm*).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Triển khai thực hiện đúng quy định của Nhà

nước về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính; đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Chính phủ; bảo đảm tỷ lệ thực hiện giải ngân đạt tối thiểu 90% kế hoạch giao.

- Sở Tài chính:

+ Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP trong tháng 6 năm 2019.

+ Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các kiến nghị được Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước hoặc cơ quan Trung ương có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại tỉnh; bảo đảm thực hiện đạt 100% kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

+ Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp, giải pháp nhằm giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước (*chi thường xuyên*) cho đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; bảo đảm năm 2019 giảm 5% với năm 2015.

2.7. Nội dung "Hiện đại hóa hành chính"

a) Mục tiêu cụ thể: Đạt tối thiểu từ 9/13,5 điểm tối đa trở lên của tiêu chí này năm 2019 (*năm 2018 chỉ đạt 5,9/13,5 điểm tối đa*). Trong đó, các tiêu chí thành phần phải cải thiện để tăng tổng điểm gồm:

- Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh: 0,5 điểm (*năm 2018 chỉ đạt 0/0,5 điểm*).

- Thực hiện kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã): 01 điểm (*năm 2018 chỉ đạt 0,25/01 điểm*).

- Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử: 0,5 điểm (*năm 2018 chỉ đạt 0/01 điểm*).

- Xây dựng Công dịch vụ công: 01 điểm (*năm 2018 chỉ đạt 0,5/01 điểm*).

- Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm (*đạt 60%*): 0,25 điểm (*năm 2018 chỉ đạt 0/0,25 điểm*).

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 (*đạt 25%*): 0,63 điểm (*năm 2018 đạt 0,53/01 điểm tối đa*).

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 (*đạt 10%*): 0,3 điểm (*năm 2018 đạt 0/01 điểm tối đa*).

- Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích (đạt 50%): 0,25 điểm (năm 2018 đạt 0/0,25 điểm tối đa).

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích (đạt 10%): 0,25 điểm (năm 2018 đạt 0/0,5 điểm tối đa).

- Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ bưu chính công ích (đạt 10%): 0,25 điểm (năm 2018 đạt 0,25/0,5 điểm tối đa).

- Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố ISO theo quy định (đạt 100%): 0,5 điểm (năm 2018 đạt 0/0,5 điểm tối đa).

- Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định (đạt 60%): 0,5 điểm (năm 2018 đạt 0,25/0,5 điểm tối đa).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

+ Thực hiện nghiêm túc việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định và hướng dẫn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, gửi hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích để các cá nhân, tổ chức biết, thay đổi thói quen giao dịch với cơ quan nhà nước từ trực tiếp sang gián tiếp (*chủ động áp dụng các hình thức tuyên truyền mới như tờ rơi, áp-phích tại nơi tiếp nhận hồ sơ TTHC*).

+ Tiếp tục áp dụng, duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008. Tiến hành chuyển đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 được phê duyệt tại Kế hoạch số 3495/KH-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục chỉ đạo các đơn vị cấp xã thuộc phạm vi quản lý đẩy mạnh việc xây dựng, công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định; bảo đảm đạt mục tiêu đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2019 mỗi huyện, thành phố đạt ít nhất 80% số đơn vị cấp xã đã xây dựng, công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Triển khai kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản từ cấp tỉnh đến 100% đơn vị cấp xã.

+ Phối hợp với Bưu điện tỉnh đẩy mạnh việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin điện tử một cửa của tỉnh (*có đầu mối tập trung ở cấp tỉnh, kết nối liên thông tới cả 3 cấp chính quyền để theo dõi, cập nhật, thống kê, tổng hợp thông tin về tình hình, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của tất cả các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã*).

+ Tiếp tục tham mưu nâng cấp, hoàn thiện Cổng dịch vụ công của tỉnh (*theo hướng tập trung, thống nhất với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh*) đáp ứng yêu cầu tại Quyết định số 1697/QĐ-BTTTT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông (*gửi Báo cáo nghiệm thu về Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ để theo dõi*).

+ Đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các bộ, ngành, địa phương thực hiện trong các năm 2018-2019 và các quy định khác có liên quan.

- Đề nghị Bưu điện tỉnh chủ động, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường tuyên truyền về lợi ích của việc gửi hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích đến các tầng lớp Nhân dân trên phạm vi toàn tỉnh (*chú trọng đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền*).

- Sở Khoa học và Công nghệ: Tiếp tục thực hiện tốt công tác theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng, áp dụng, duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 hoặc TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý theo quy định.

- Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai: Khẩn trương xây dựng, công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định (*hoàn thành chậm nhất trong tháng 7/2019*).

2.8. Nội dung "Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh"

a) Mục tiêu cụ thể: Phần đầu đạt tối thiểu từ 13,3/16,5 điểm tối đa nội dung này trong năm 2019 (*bằng mức điểm đạt được năm 2018*).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện tốt công tác thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ khởi nghiệp theo các nghị quyết của Chính phủ, các chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, đặc biệt gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện các lĩnh vực đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chương trình hành động triển khai thực hiện 3 lĩnh vực đột phá phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 trên địa bàn tỉnh.

- Đề nghị Cục Thuế tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công tác thu ngân sách hằng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao; bảo đảm hằng năm đều vượt chỉ tiêu được Chính phủ giao từ 5% trở lên.

III. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này do các cơ quan, đơn vị cân đối trong dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao và huy động từ các nguồn tài trợ hợp pháp khác nếu có. Đối với những trường hợp phát sinh vượt khả năng tự cân đối, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan đối với các khuyết điểm, hạn chế trong triển khai, thực hiện các nhiệm vụ cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Kế hoạch 497/KH-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2019 (*có phụ lục khuyết điểm, hạn chế kèm theo*); đồng thời, tổng hợp đưa vào đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và bình xét thi đua khen thưởng 2019 đối với các tập thể, cá nhân này.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, chỉ đạo xây dựng Kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu không hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu đề ra thuộc phạm vi quản lý.

- Định kỳ 6 tháng, hằng năm báo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, chỉ đạo.

2. Sở Nội vụ:

- Thường xuyên theo dõi, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt công tác phối hợp đảm bảo đồng bộ trong triển khai công tác cải cách

hành chính theo Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Quyết định số 75/QĐ-BCĐCCHC ngày 24 tháng 4 năm 2019; trường hợp cần thiết thì Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh - Giám đốc Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện.

- Chủ trì, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ tại Mục II của Kế hoạch này và chịu trách nhiệm chính trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu không đạt các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch đề ra; định kỳ 6 tháng, hằng năm tổng hợp tình hình triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung kinh phí đối với những trường hợp phát sinh vượt khả năng tự cân đối của các cơ quan, đơn vị; bảo đảm đủ kinh phí để các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến nội dung Kế hoạch và tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị để Nhân dân biết, giám sát.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KTTH3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hòa

PHỤ LỤC

Các khuyết điểm, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ cải thiện Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Kon Tum năm 2018
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	KHUYẾT ĐIỂM, HẠN CHẾ	ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM	GHI CHÚ
I	Trách nhiệm chung trong tham mưu	Sở Nội vụ	
II	Nội dung "Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính"		
1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC: 0,97/01 điểm	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Đăk Hà, Đăk Tô, Kon Rẫy, Ia H'Drai, TP. Kon Tum	
2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ: 0,5/1,75 điểm	Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra CCHC: 0/01 điểm	Sở Nội vụ	
4	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: 0/01 điểm	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông	
III	Nội dung "Cải cách thủ tục hành chính":		
6	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố: 0/0,25 điểm	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
7	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị: 0,25/0,75 điểm	Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm về Cổng thông tin điện tử tỉnh. Ban Dân tộc, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ; UBND các huyện, thành phố: Sa Thầy, Ngọc Hài, Đăk Hà, TP. Kon Tum, Kon Rẫy, Kon Plông, Đăk Tô, Đăk Glei, Tu Mơ	

		Rông, Ia H'Drai chịu trách nhiệm về trang thông tin điện tử của các đơn vị	
8	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh: 0/0,75 điểm	Sở Thông tin và Truyền thông	
9	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp: 0/1 điểm	Sở Nội vụ	
10	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền: 0/1 điểm	Sở Nội vụ	
IV	Nội dung "Cải cách tổ chức bộ máy hành chính"		
1	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính: 0,5/1,5 điểm	Các sở, ban ngành có tỷ lệ lãnh đạo cấp phòng nhiều hơn chuyên viên	
2	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015: 0,17/01 điểm	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chưa hoàn thành thực hiện theo Kế hoạch Kế hoạch số 739/KH-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2018 và Kế hoạch số 740/KH-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
V	Nội dung "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức":		
1	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh: 0/0,5 điểm	Sở Khoa học Công nghệ	
2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính: 0,5/0,75 điểm	Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà	
3	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 0,83/01 điểm	Sở Nội vụ	
VI	Nội dung "Cải cách tài chính công"		
1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm: 0,83/01	Sở Tài chính	

	điểm		
2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: 0,5/01 điểm	Sở Tài chính	
3	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP: 0/0,5 điểm	Sở Tài chính	
4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015: 0/01 điểm	Sở Tài chính	
VII	Nội dung "Hiện đại hóa hành chính"		
1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh: đạt 0/0,5 điểm	Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Thực hiện kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã): 0,25/01 điểm	Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử: 0/1 điểm	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
4	Xây dựng Công dịch vụ công: 0,5/01 điểm	Sở Thông tin và Truyền thông	
5	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm 0/0,25 điểm	trách nhiệm chung của các sở, ngành, UBND cấp huyện; Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối triển khai	
6	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4: 0/01 điểm	trách nhiệm chung của các sở, ngành, UBND cấp huyện; Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối triển khai	
7	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích: 0/0,25 điểm	trách nhiệm chung của các sở, ngành, UBND cấp huyện; Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối triển khai	
8	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích: 0/0,5 điểm	trách nhiệm chung của các sở, ngành, UBND cấp huyện; Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối triển khai	

9	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ bưu chính công ích: 0,25/0,5 điểm	trách nhiệm chung của các sở, ngành, UBND cấp huyện; Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối triển khai	
10	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố ISO theo quy định: 0/0,5 điểm	Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai	
11	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định: 0,25/0,5 điểm	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Đăk Hà, Đăk Tô, Kon Rẫy, Ia H'Drai, TP. Kon Tum	